

Số: TVHN-303/DBQG

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

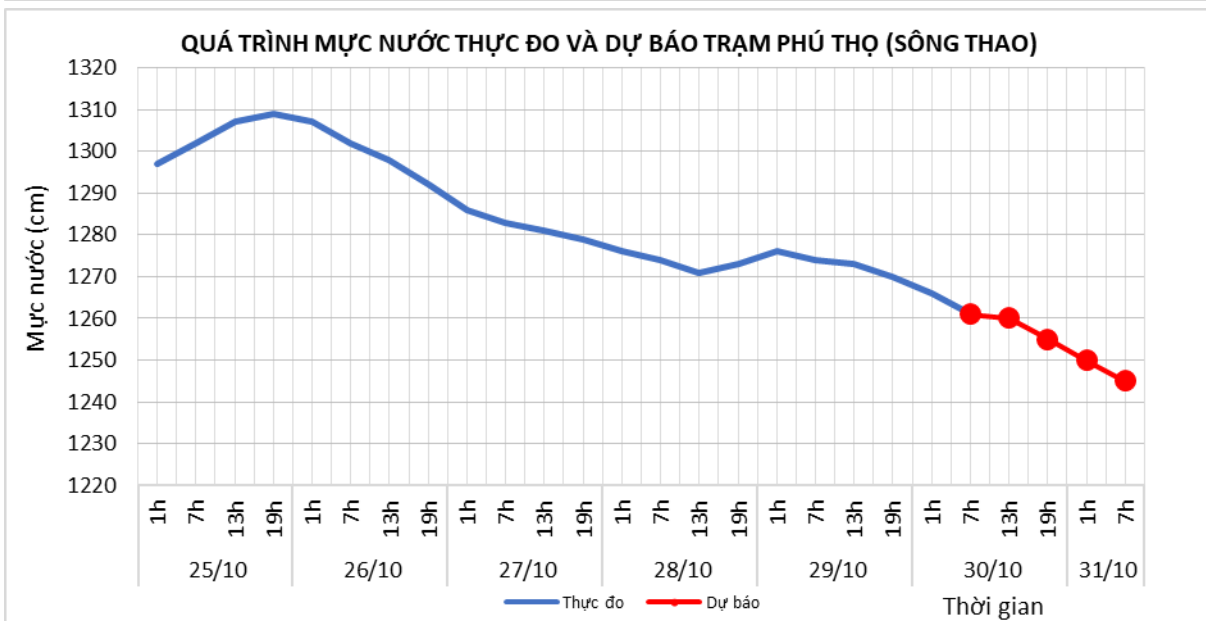
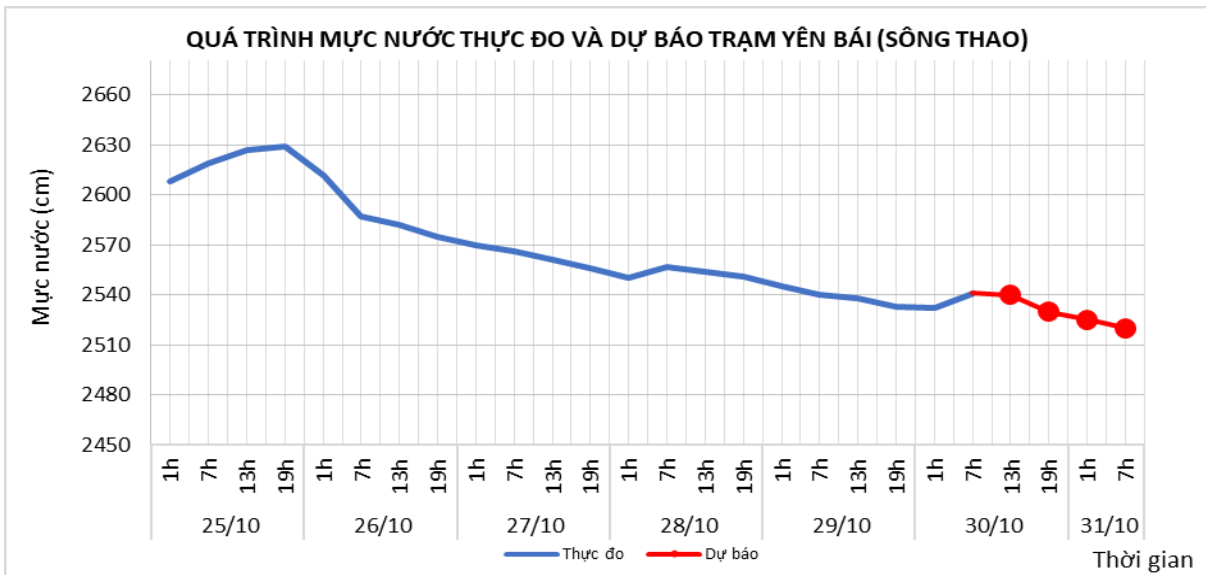
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



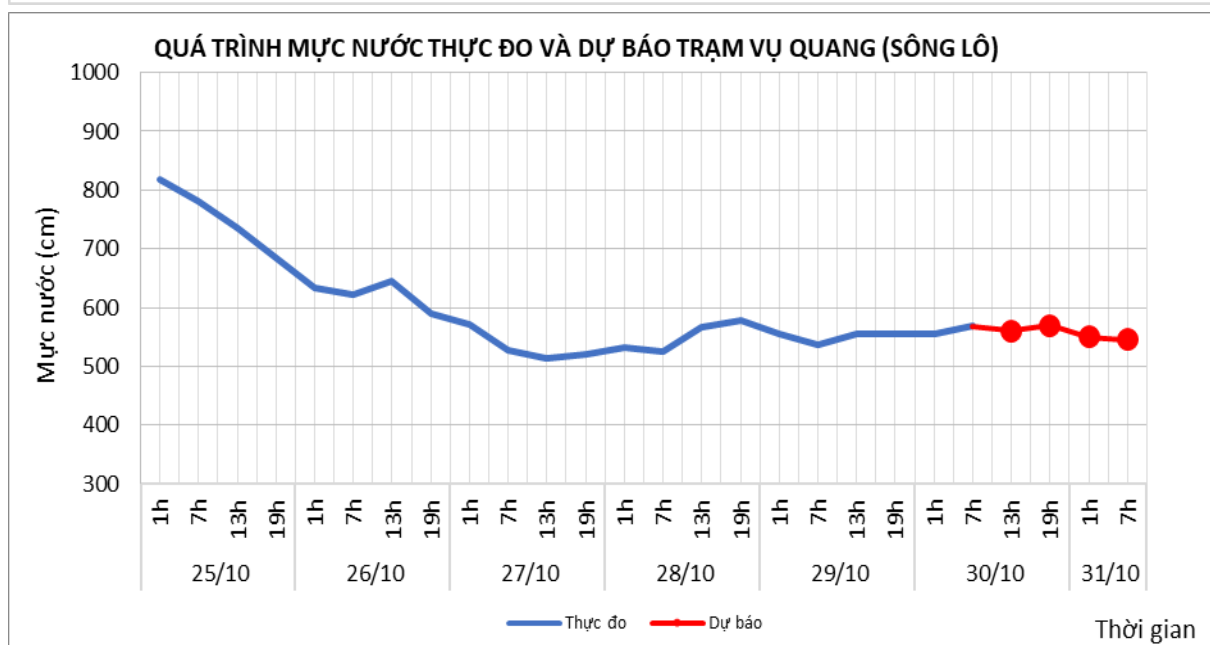
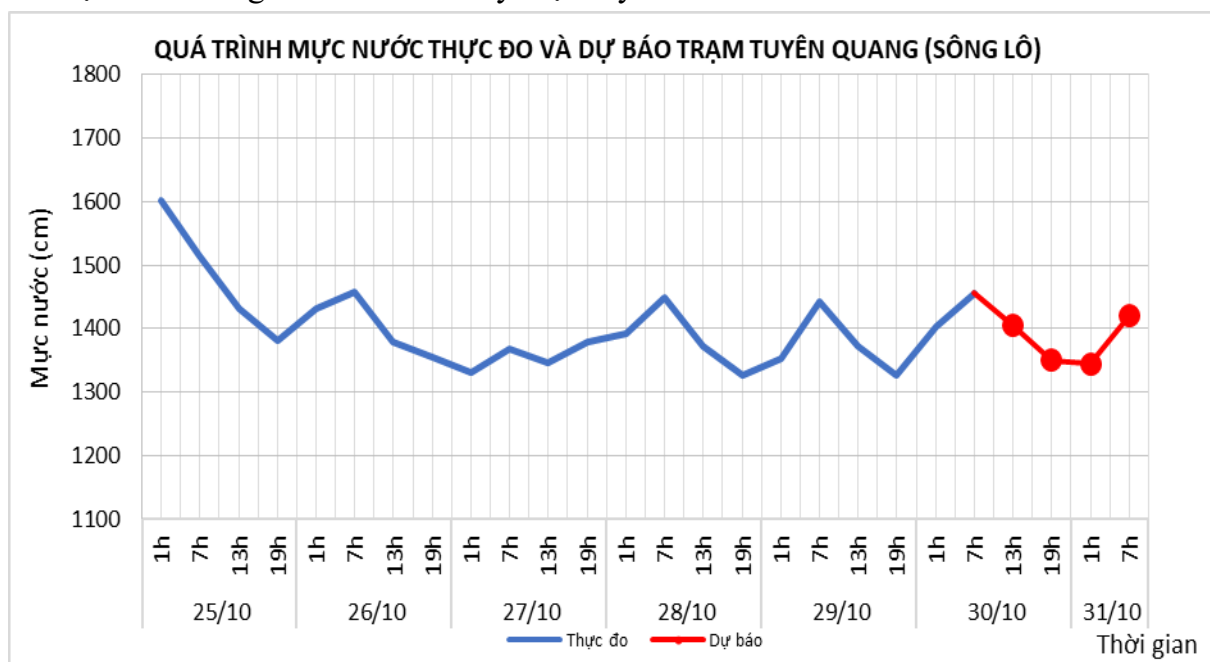
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.



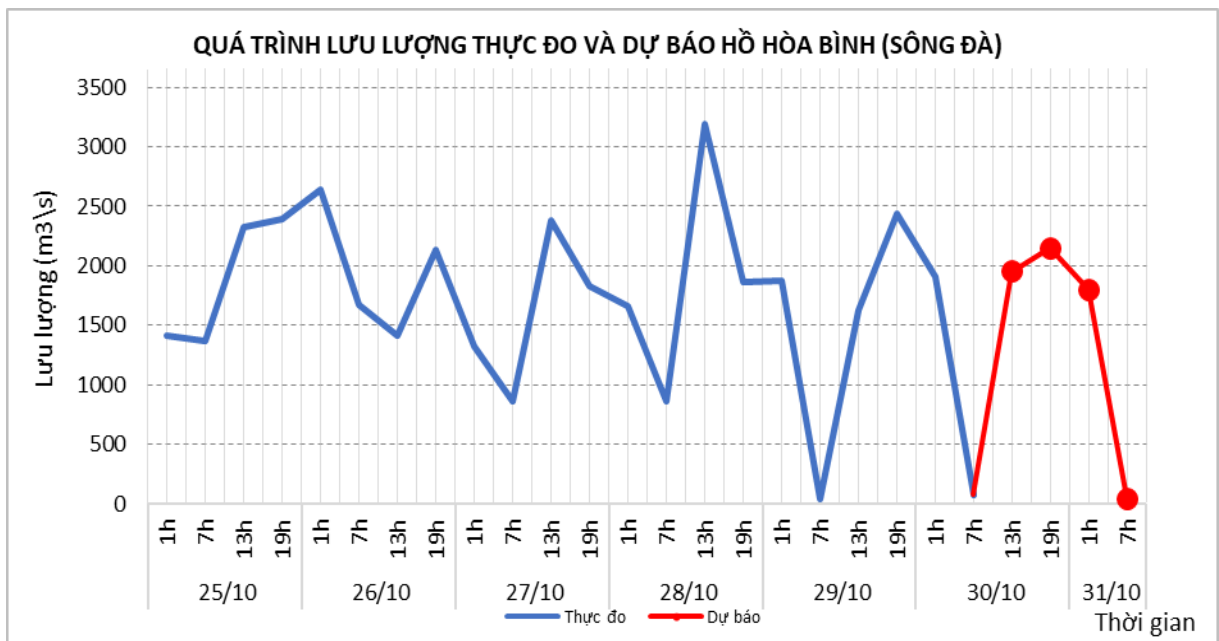
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



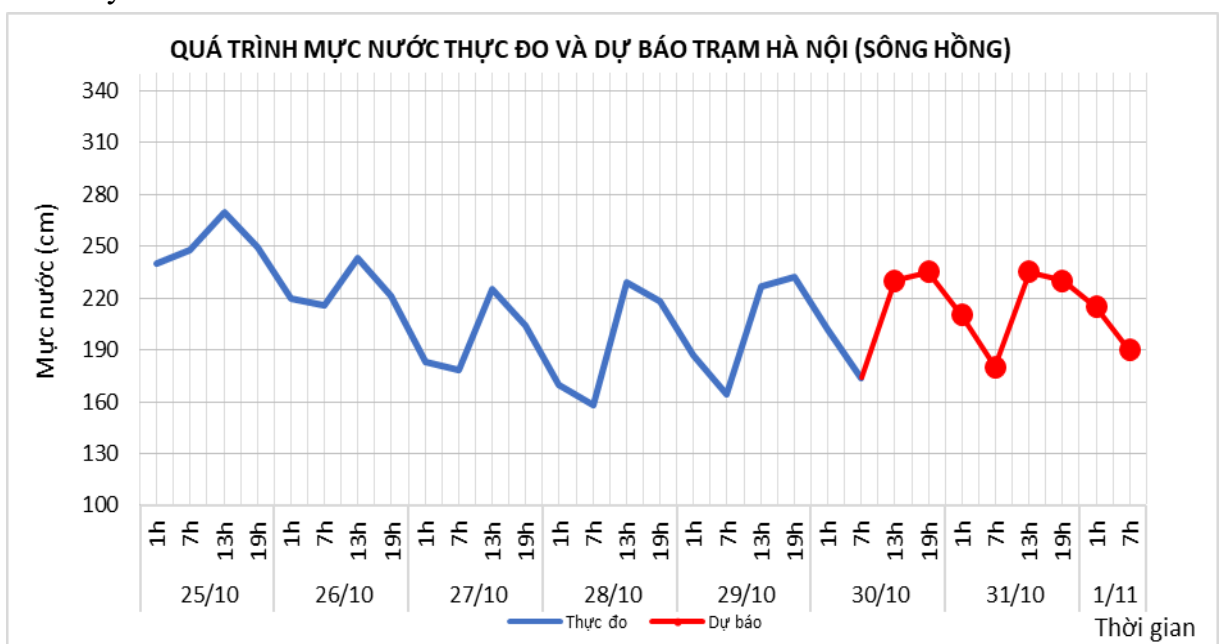
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

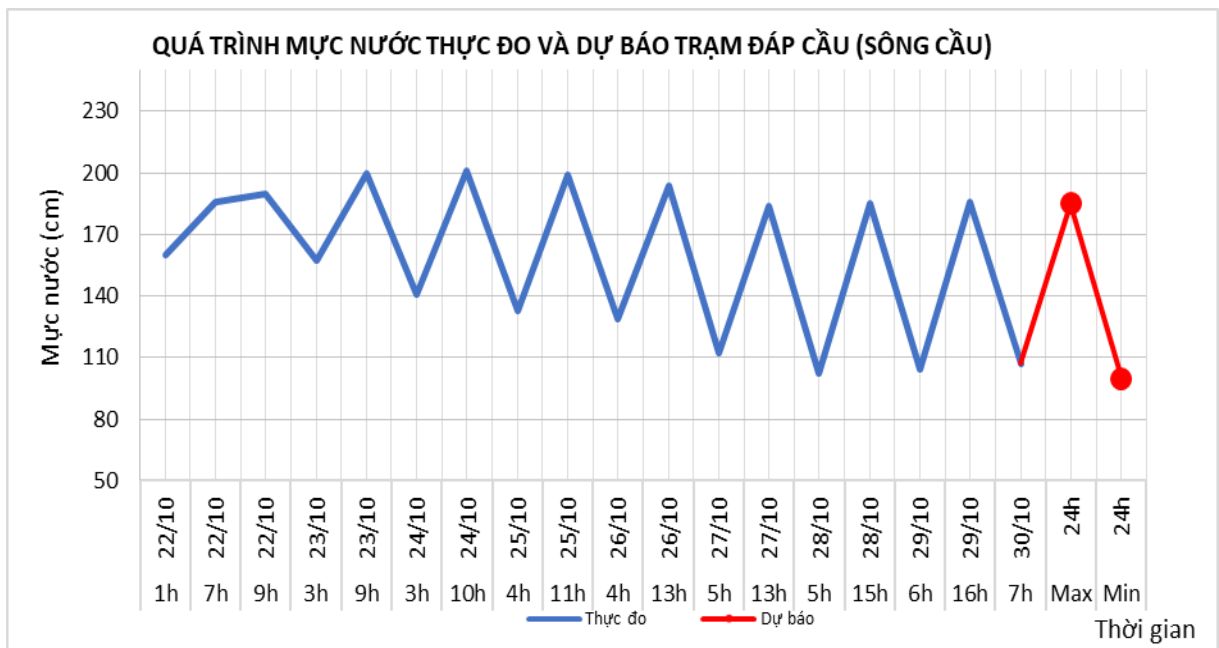
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo thủy triều.



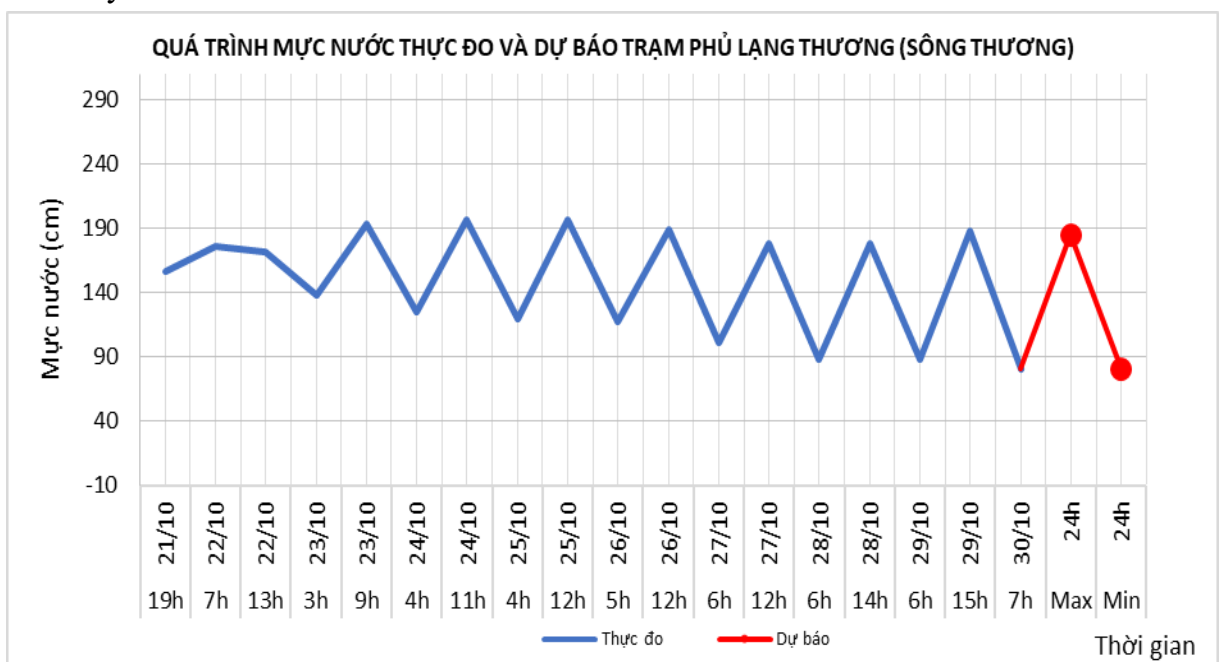
## 2.2. Sông Thương

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



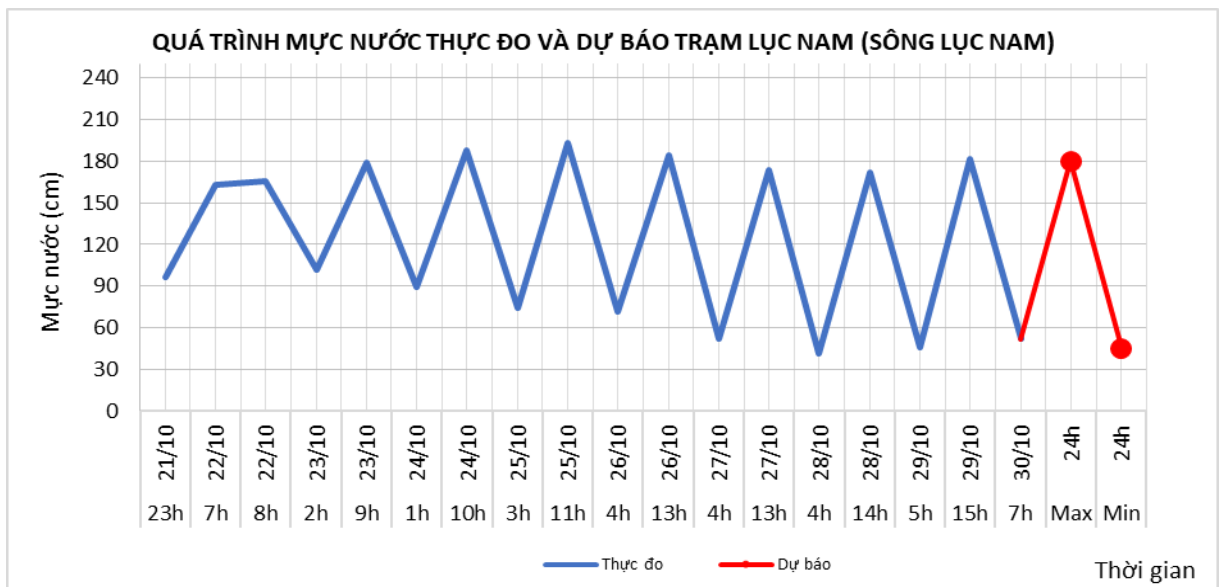
## 2.3. Sông Lục Nam

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo thủy triều.



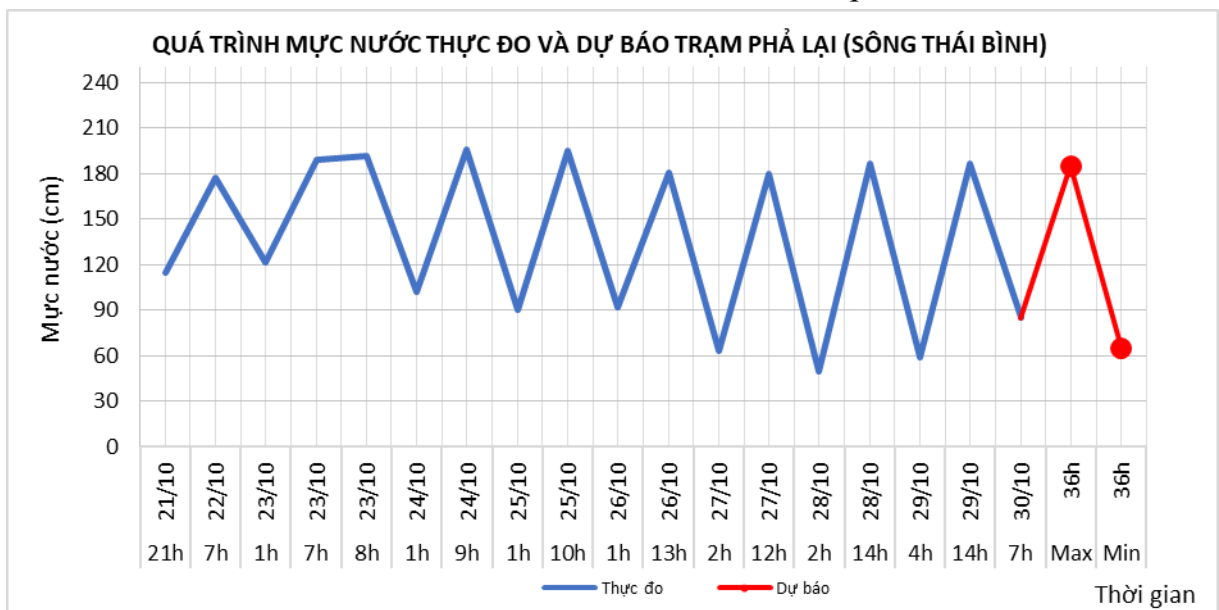
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại dao động theo thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,85m; thấp nhất là 0,65m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

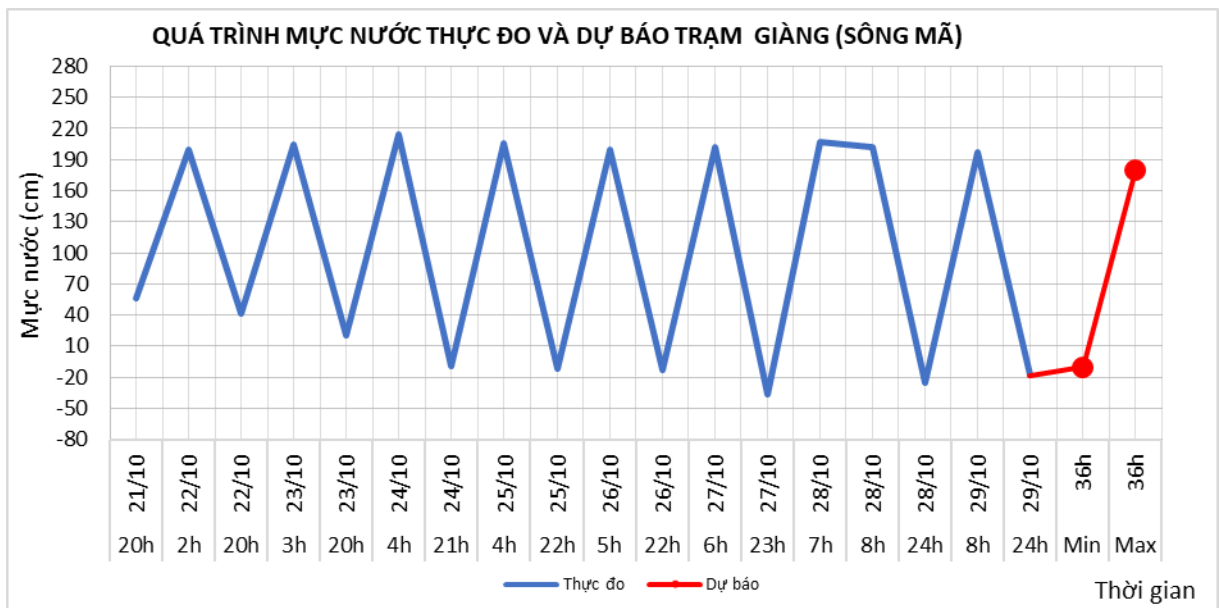
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.



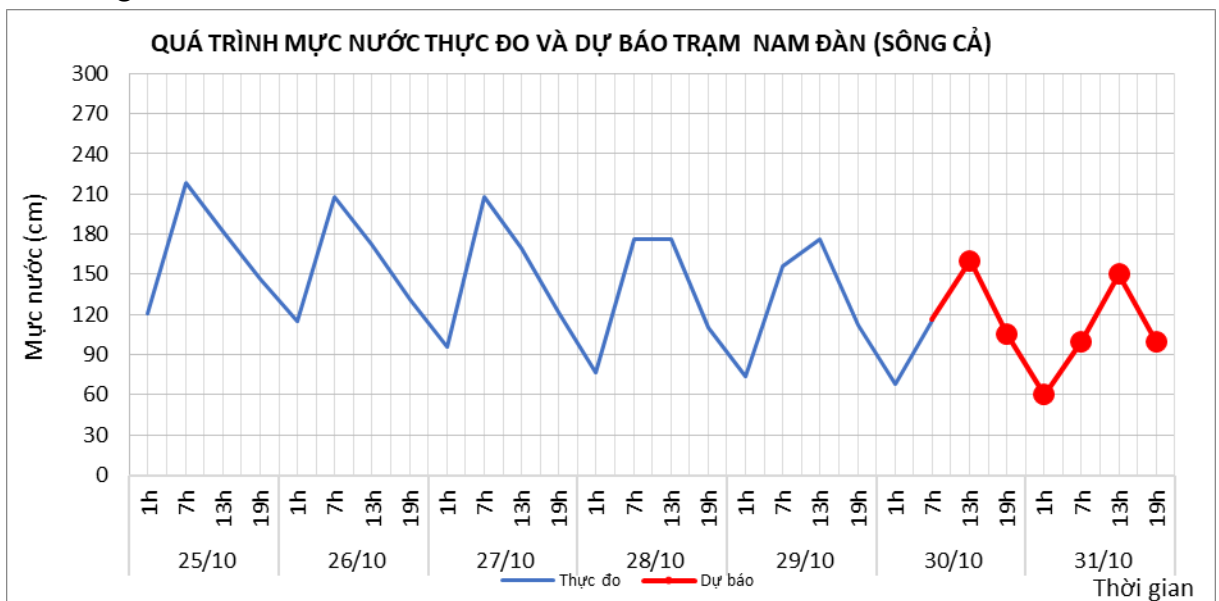
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.



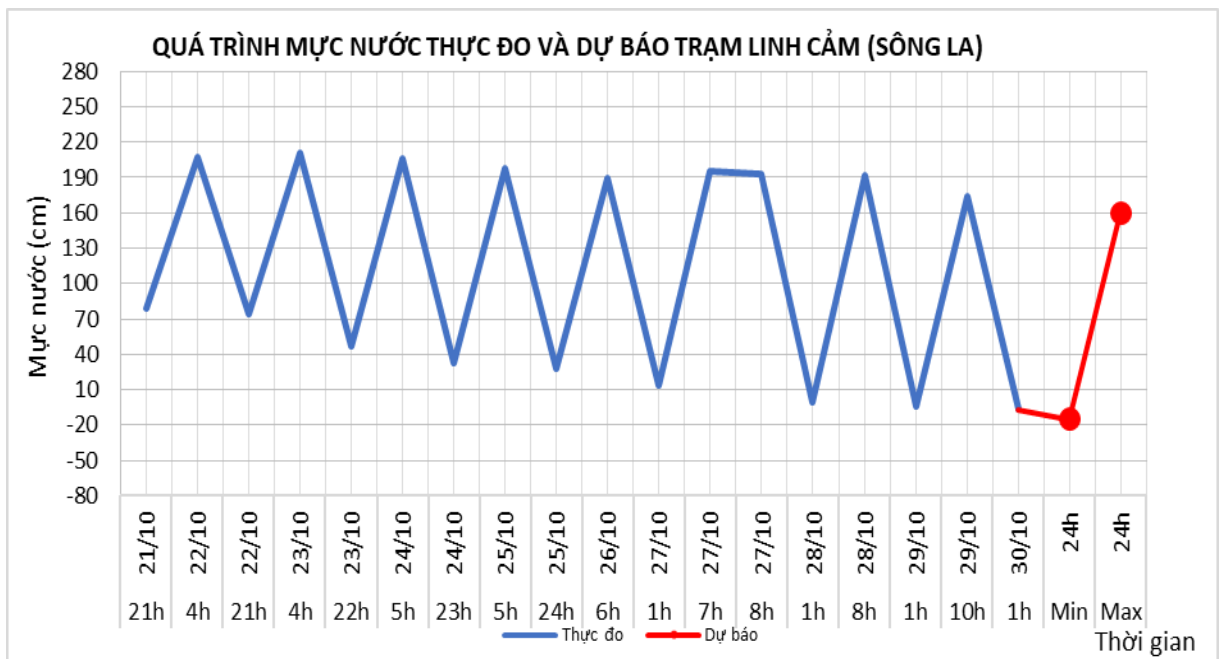
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố có dao động, hạ lưu sông La dao động theo triều.



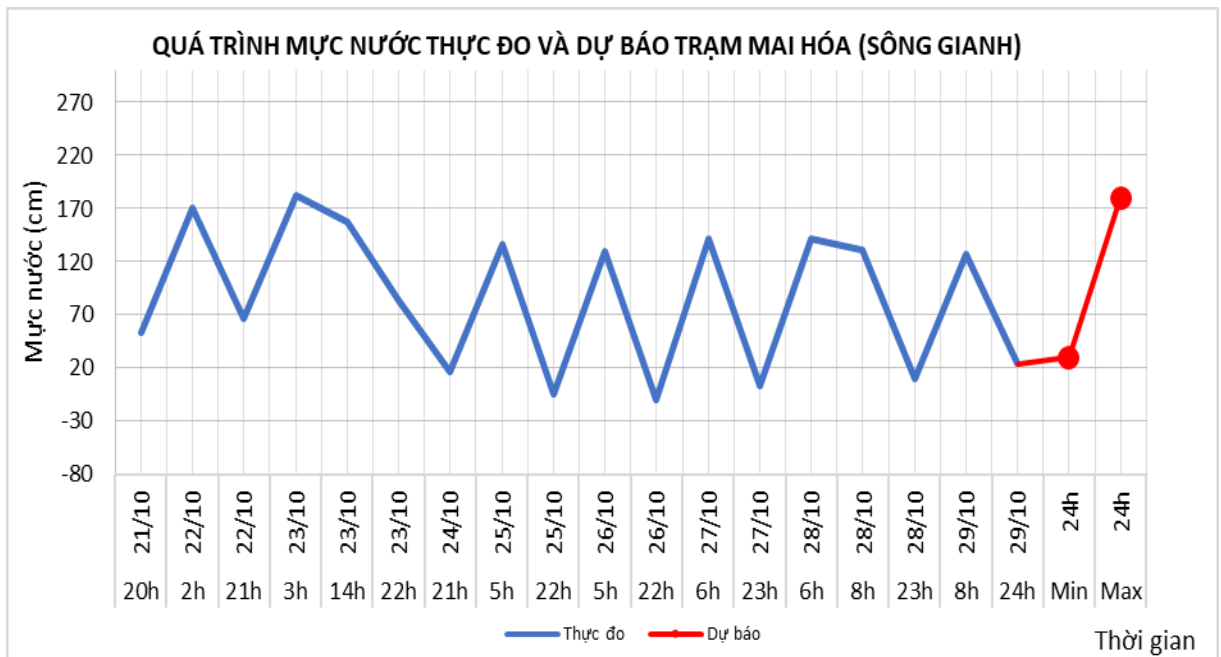
### 3.4. Sông Gianh

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Gianh khả năng có dao động.



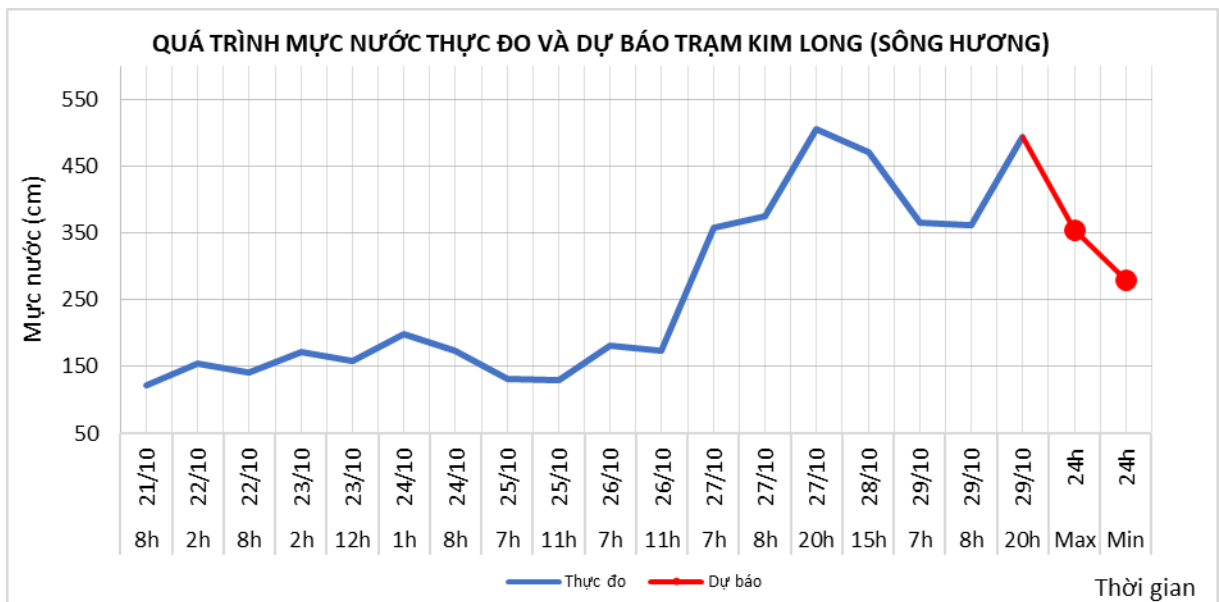
### 3.5. Sông Hương

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Hương và sông Bồ lên lại và đã đạt đỉnh. Đỉnh lũ trên sông Hương tại trạm Kim Long 4,93m (20h/29/10), trên BĐ3 0,43m, trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc 5,27m (18h/29/10), trên BĐ3 0,77m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 12-24 giờ tới, lũ trên sông Hương và sông Bồ xuống chậm và ở mức dưới BĐ3.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

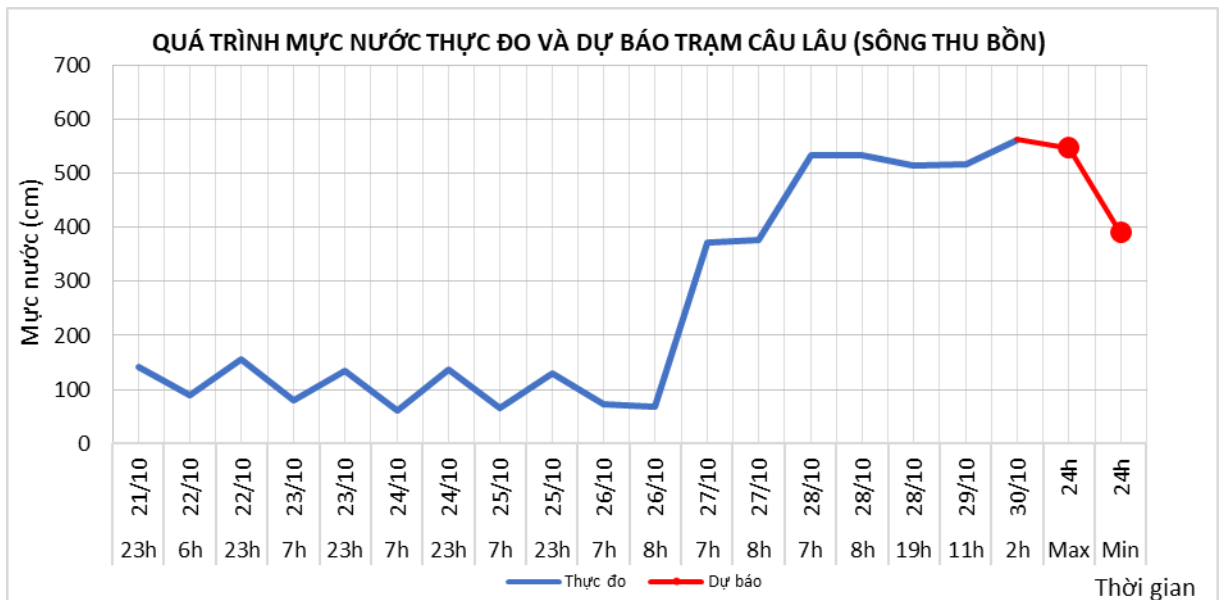
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Vu Gia-Thu Bồn đã đạt đỉnh và đang xuống. Đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 10,60m (19h/29/10), trên BĐ3 1,60m, trên sông Thu Bồn tại trạm Câu Lâu 5,62m (02h/30/10), trên BĐ3 1,62m.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 6-24 giờ tới, lũ trên sông Vu Gia-Thu Bồn tiếp tục xuống mức BĐ2-BĐ3.



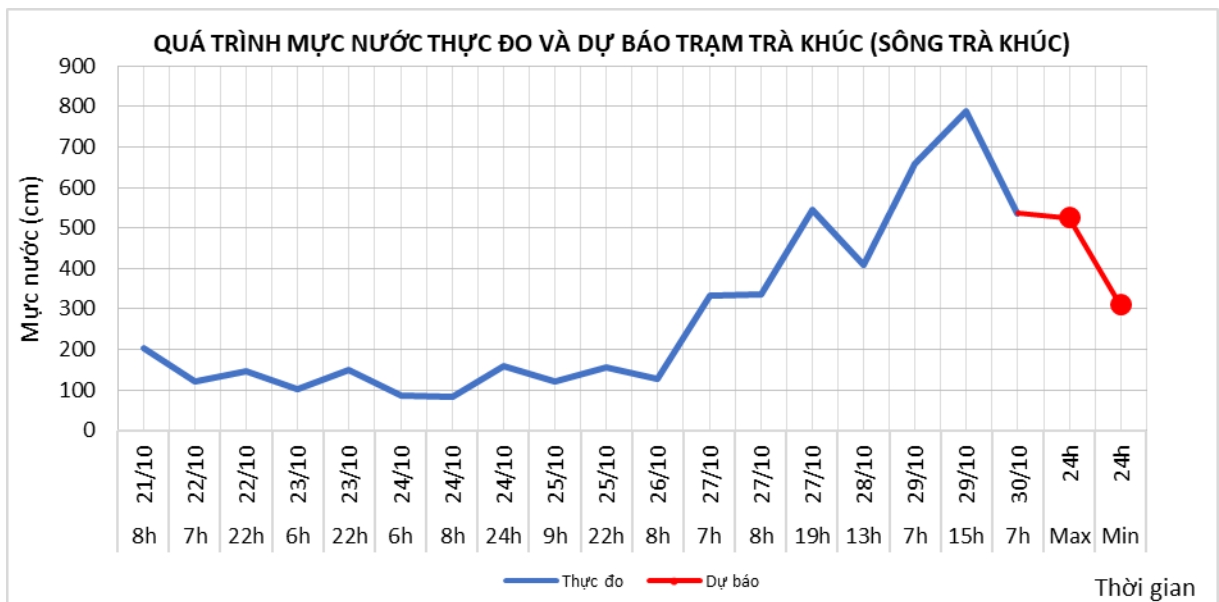
##### 4.2. Sông Trà Khúc

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Trà Khúc đã đạt đỉnh và đang xuống. Đỉnh lũ tại trạm Trà Khúc 7,87m (15h/29/10), trên BĐ3 1,27m.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 12-24h tới, lũ sông Trà Khúc khả năng tiếp tục xuống dưới mức BĐ1.



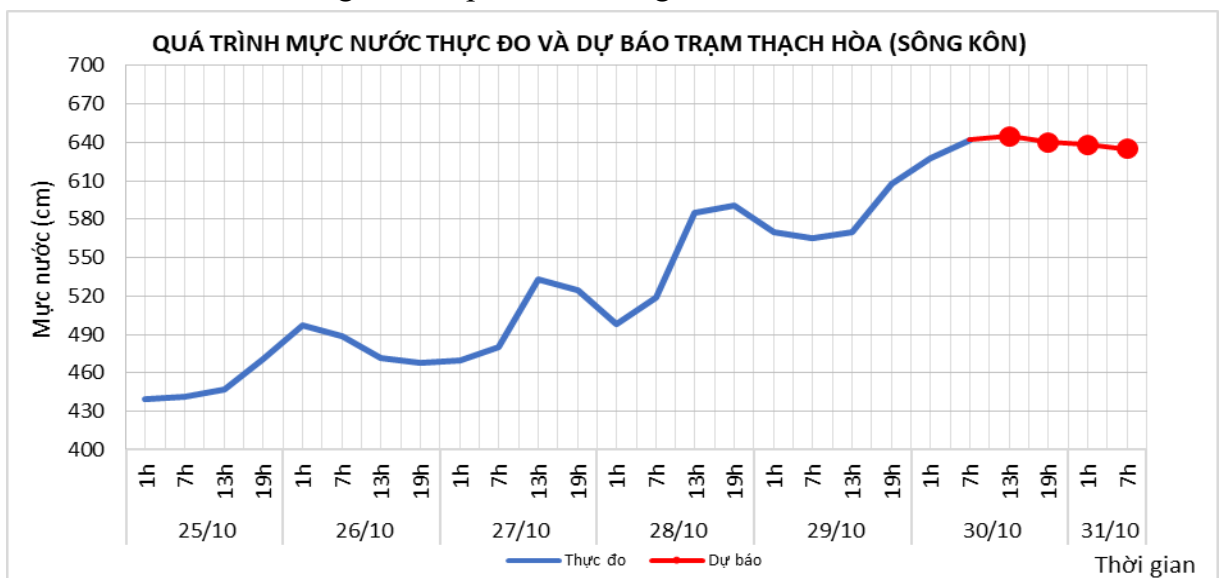
### 4.3. Sông Kôn

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên thượng lưu sông Kôn tại trạm Vĩnh Sơn đã đạt đỉnh ở trên mức BĐ1, hiện đang xuống dưới mức BĐ1. Lũ ở hạ lưu sông Kôn đang dao động ở trên mức BĐ1, lúc 07 giờ ngày 30/10, mực nước tại trạm Thạch Hòa 6,42m, trên mức BĐ1 0,42m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước lũ hạ lưu sông Kôn tiếp tục dao động ở mức trên BĐ1.



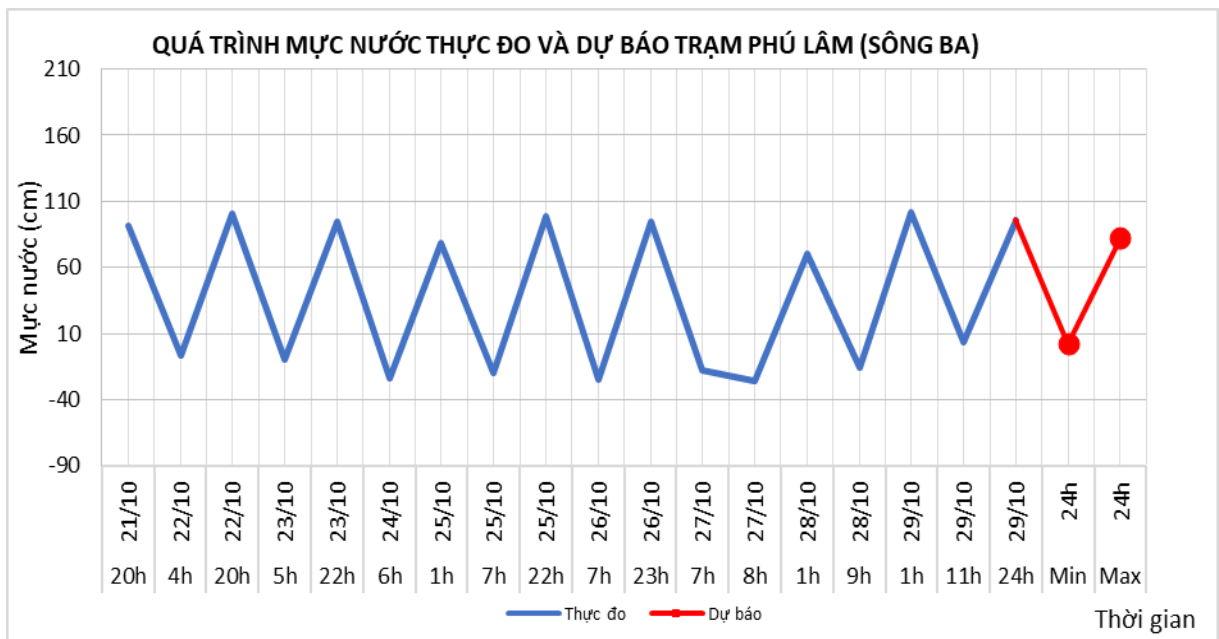
### 4.4. Sông Ba

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước hạ lưu trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mực nước trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

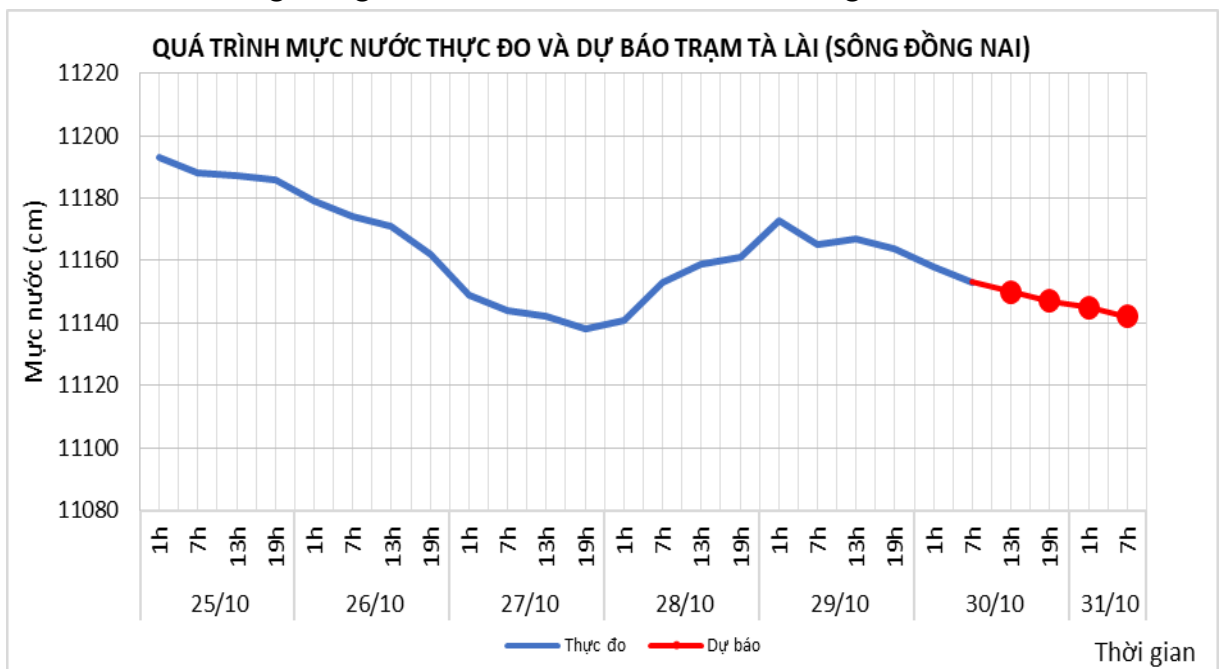
### 5.1. Sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài sẽ có dao động.



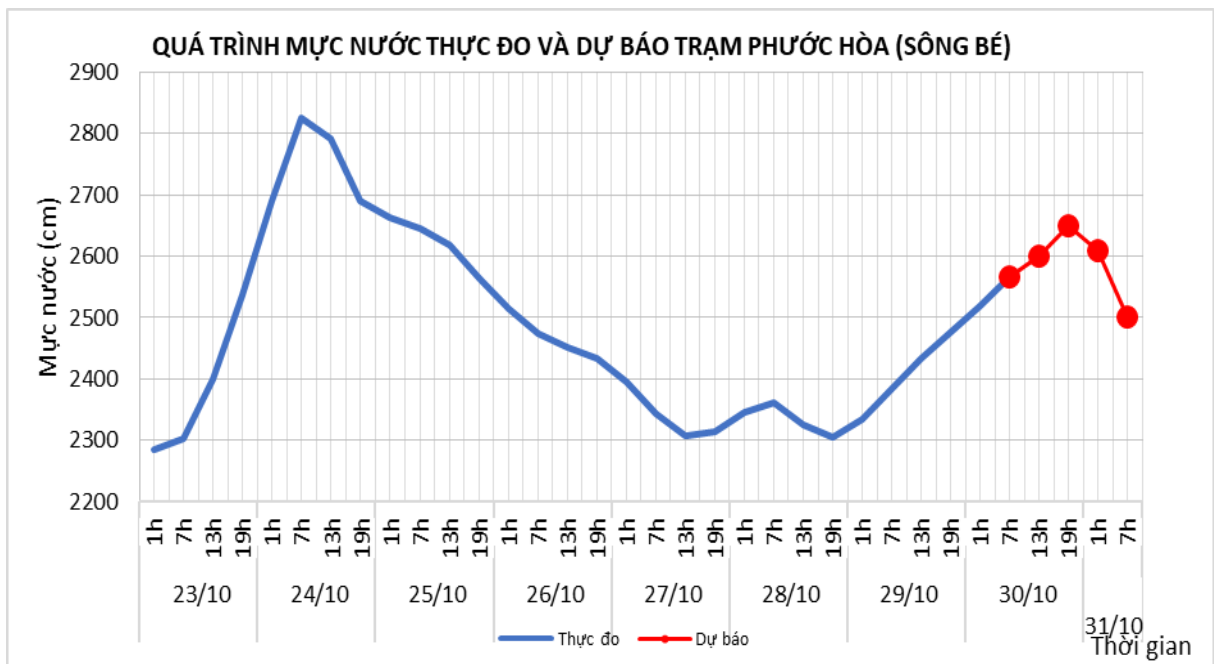
### 5.2. Sông Bé

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa đang lên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục lên, sau đó xuống.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

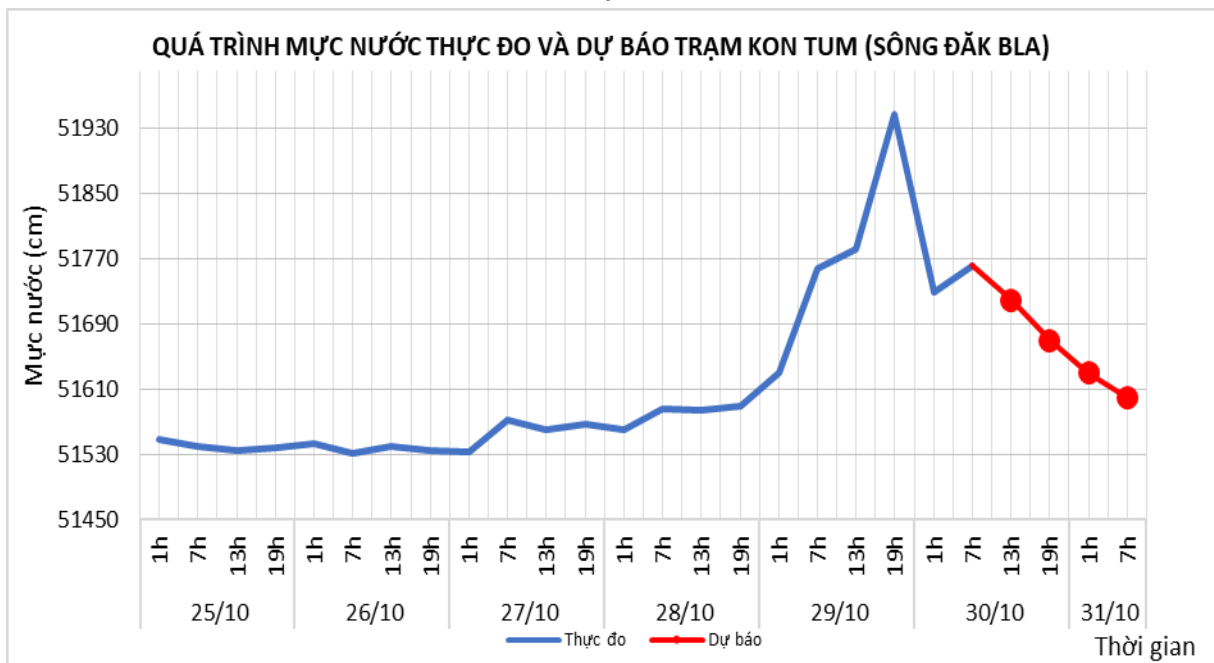
### 6.1. Sông ĐắkBla

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên các sông đã đạt đỉnh và xuống dần. Mức nước đỉnh lũ trên các sông như sau: sông ĐắkBla tại trạm KonPlông 594,5m (13 giờ ngày 29/10), ở mức BĐ3; tại trạm KonTum 519,53m (18 giờ ngày 29/10), trên BĐ2 0,03m; sông Pô Kô tại trạm Đăk Mốt 586,04m (17 giờ ngày 29/10), dưới BĐ3 0,46m. Hiện tại, lũ thượng lưu sông ĐắkBla đang dao động ở mức BĐ1, các sông khác dao động dưới mức BĐ1.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Lũ thượng lưu sông ĐắkBla xuống dưới mức BĐ1, mức nước các sông khác dao động theo vận hành điều tiết của các hồ chứa thủy điện.



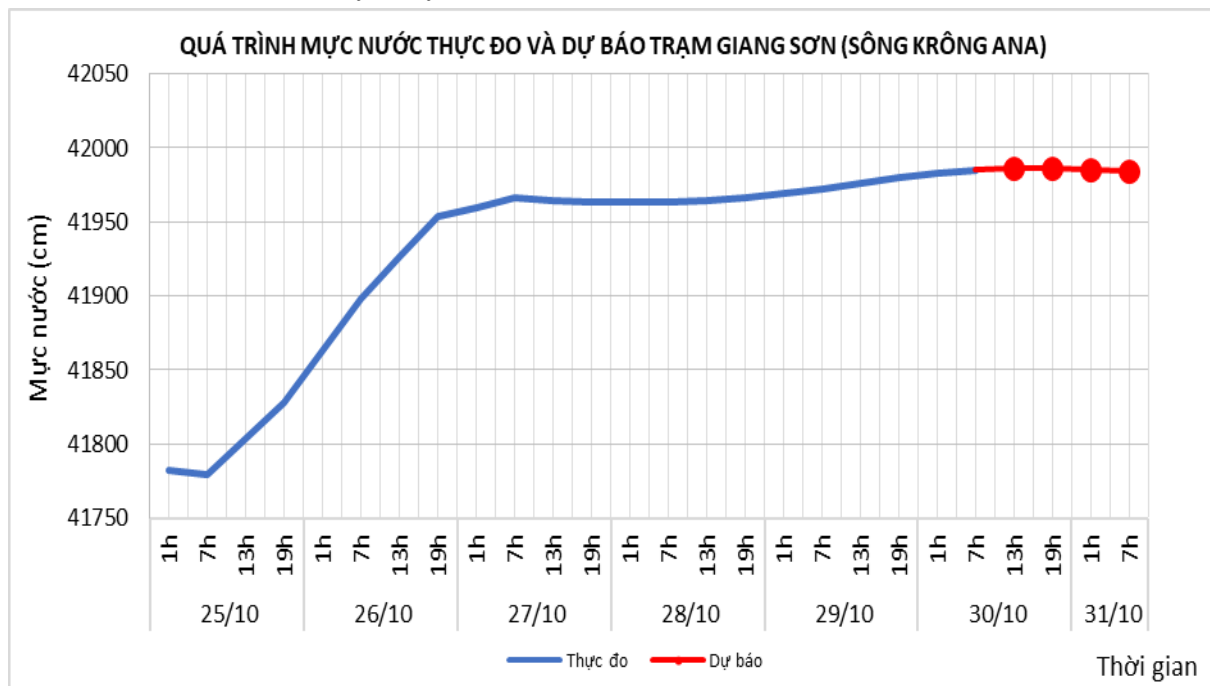
## 6.2. Sông Krông Ana

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm; mức nước các sông khác dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Krông Ana tiếp tục biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện.



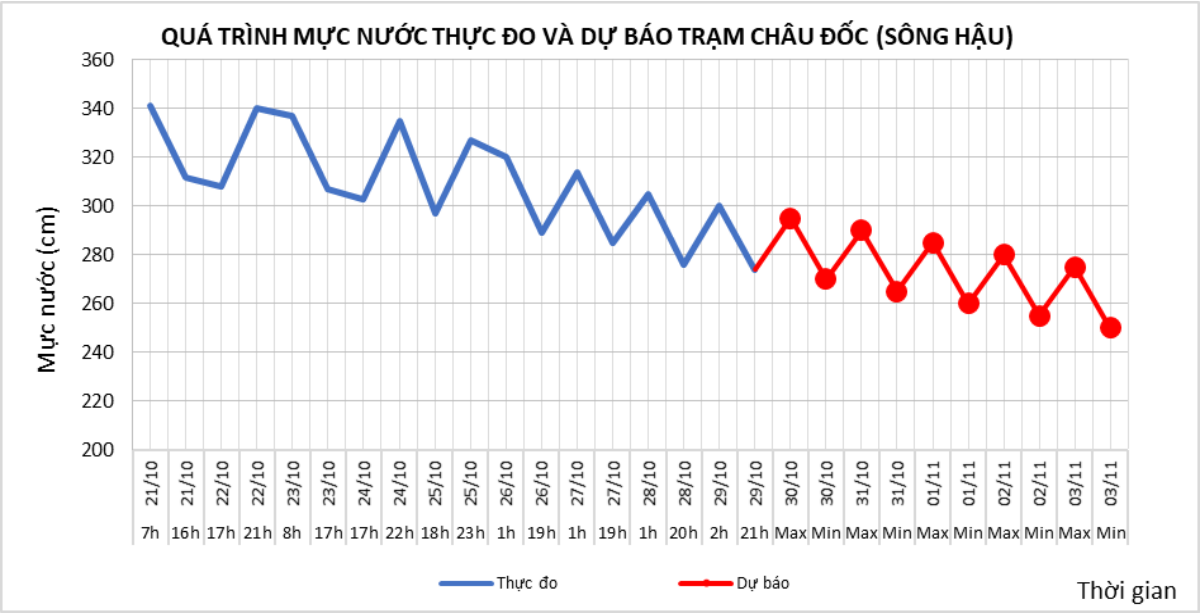
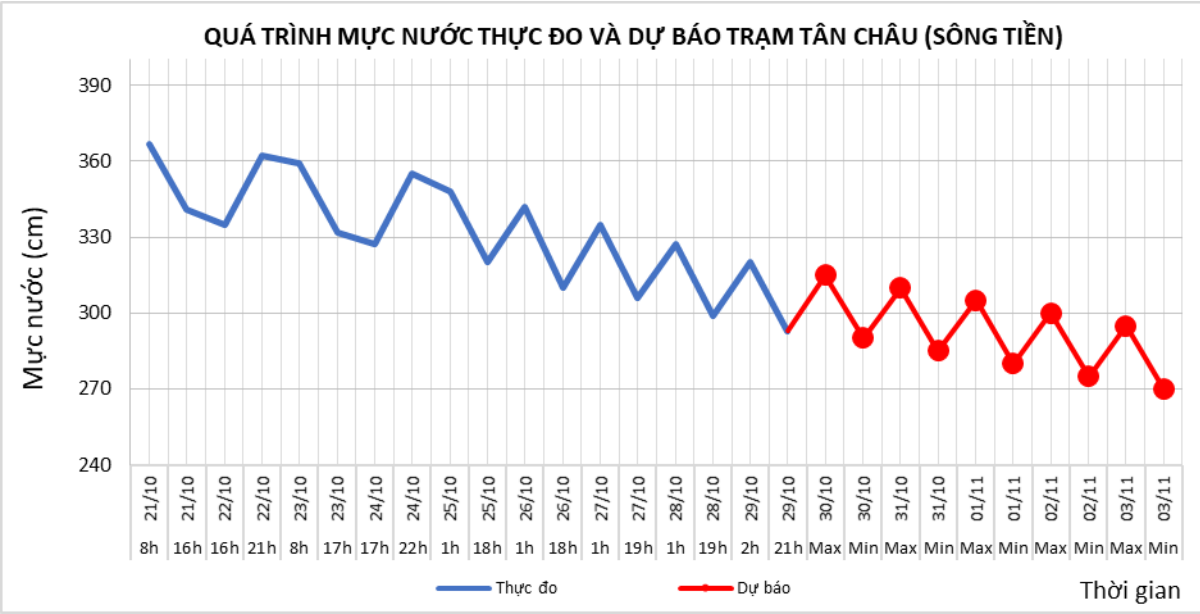
## 6.3. Sông Cửu Long

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều theo xu thế xuống dần. Mức nước cao nhất ngày 29/10 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,20m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,0m, ở mức BĐ1.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Đến ngày 03/11, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,95m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,75m.



II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-29/10             | 19h-29/10 | 1h-30/10 | 7h-30/10 | 13h-30/10            |   | 19h-30/10 |   | 1h-31/10 |   | 7h-31/10 |   | 13h-31/10 |   | 19h-31/10 |   | 1h-01/11 |   | 7h-01/11 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 1630                  | 2433      | 1904     | 75       | 1950                 | ↑ | 2150      | ↑ | 1800     | ↓ | 40       | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2538                  | 2533      | 2532     | 2541     | 2540                 | ↓ | 2530      | ↓ | 2525     | ↓ | 2520     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1273                  | 1270      | 1266     | 1261     | 1260                 | ↓ | 1255      | ↓ | 1250     | ↓ | 1245     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1373                  | 1327      | 1403     | 1456     | 1405                 | ↓ | 1350      | ↓ | 1345     | ↓ | 1420     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vũ Quang        | 554                   | 554       | 554      | 568      | 560                  | ↓ | 570       | ↑ | 550      | ↓ | 545      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 227                   | 232       | 202      | 174      | 230                  | ↑ | 235       | ↑ | 210      | ↓ | 180      | ↓ | 235       | ↑ | 230       | ↓ | 215      | ↓ | 190      | ↓ |
| Cả        | Nam Đàn         | 176                   | 112       | 68       | 116      | 160                  | ↑ | 105       | ↓ | 60       | ↓ | 100      | ↑ | 150       | ↑ | 100       | ↓ |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 570                   | 608       | 628      | 642      | 645                  | ↑ | 640       | ↓ | 638      | ↓ | 635      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11167                 | 11164     | 11158    | 11153    | 11150                | ↓ | 11147     | ↓ | 11145    | ↓ | 11142    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2434                  | 2477      | 2520     | 2566     | 2600                 | ↑ | 2650      | ↑ | 2610     | ↓ | 2500     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51782                 | 51947     | 51730    | 51762    | 51720                | ↓ | 51670     | ↓ | 51630    | ↓ | 51600    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41976                 | 41980     | 41984    | 41985    | 41986                | ↑ | 41986     | → | 41985    | ↓ | 41984    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 186                         | ↑ | 107                | ↑ | 185                        | ↓ | 100                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 188                         | ↑ | 81                 | ↑ | 185                        | ↓ | 80                 | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 182                         | ↑ | 52                 | ↑ | 180                        | ↓ | 45                 | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 187                         | → | 59                 | ↑ | 185                        | ↓ | 65                 | ↑ |
| Mã        | Giàng (**)      | 197                         | ↓ | -25                | ↑ | 180                        | ↓ | -10                | ↑ |
| La        | Linh Cảm        | 174                         | ↓ | -7                 | ↓ | 160                        | ↓ | -15                | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 127                         | ↓ | 24                 | ↑ | 180                        | ↑ | 30                 | ↑ |
| Hương     | Kim Long        | 493                         | ↑ | 361                | ↓ | 354                        | ↓ | 280                | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 562                         | ↑ | 517                | ↑ | 547                        | ↓ | 390                | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 787                         | ↑ | 536                | ↑ | 525                        | ↓ | 310                | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 96                          | ↓ | 3                  | ↑ | 82                         | ↓ | 2                  | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mực nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mực nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          | 29/10                  |   | 30/10  |   | 31/10 |   | 01/11 |   | 02/11 |   | 03/11 |   | 29/10              |   | 30/10  |   | 31/10 |   | 01/11 |   | 02/11 |   | 03/11 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 320                    | ↓ | 315    | ↓ | 310   | ↓ | 305   | ↓ | 300   | ↓ | 295   | ↓ | 293                | ↓ | 290    | ↓ | 285   | ↓ | 280   | ↓ | 275   | ↓ | 270   | ↓ |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 300                    | ↓ | 295    | ↓ | 290   | ↓ | 285   | ↓ | 280   | ↓ | 275   | ↓ | 274                | ↓ | 270    | ↓ | 265   | ↓ | 260   | ↓ | 255   | ↓ | 250   | ↓ |

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 31/10**

**Tin phát lúc: 10h30’**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**